

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 107/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 21-7-2023.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thanh Tuyền.

2. Ông Huỳnh Đức Tâm.

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Thạch Thị T, sinh năm 1988.

ĐKTT: 336, ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: 23/16, Hương Lộ 15, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: ông Trần Văn P, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bà T có mặt, ông P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của đương sự, nguyên đơn là bà Thạch Thị T trình bày:

Bà và ông Trần Văn P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre vào năm 2010, hôn nhân là do tự nguyện. Ông bà tìm hiểu nhau được 03 năm mới quyết định tiến đến hôn nhân. Sau khi kết hôn ông bà sống tại ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà phát hiện ông P có quan hệ tình cảm và đang sống chung với người khác. Bà có khuyên nhưng ông P không thay đổi, bỏ mặc vợ con và ông bà không chung sống với nhau từ đó cho đến nay.

Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn với ông P.

Bà và ông P có 02 người con chung là Trần Thị Hà M, sinh ngày 13/01/2010 và Trần Minh K, sinh ngày 13/7/2017. Hiện các con chung đang sống với bà, được bà chăm sóc nuôi dạy tốt và các con có nguyện vọng được sống với bà. Vì vậy bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, bà không yêu cầu ông P cấp dưỡng cho con.

Bà và ông P không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, đồng thời mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông P đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa, bà T trình bày bà và ông P chung sống với nhau từ năm 2009 đến năm 2010 ông bà đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc được 13 năm, không có mâu thuẫn. Sau đó ông P đi làm và không chịu về nhà mặc dù bà và gia đình nhiều lần khuyên nhưng ông P không thay đổi. Vì vậy, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn bà Thạch Thị T đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn ông Trần Văn P không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không tham gia phiên tòa. Như vậy, ông P không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Về việc giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị T.

- Về hôn nhân: bà Thạch Thị T được ly hôn với ông Trần Văn P.

- Về con chung: giao 02 con chung Trần Thị Hà M, sinh ngày 13/01/2010 và Trần Minh K, sinh ngày 13/7/2017 cho bà Thạch Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng cho con.

Vì lợi ích của con, bà T có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của một, cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà Thạch Thị T trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Thạch Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn với bị đơn ông Trần Văn P. Ông P cư trú tại xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ông Trần Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông P tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà T thì bà và ông P phát sinh mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết được. Ông bà không chung sống với nhau từ giữa năm 2022 cho đến nay. Đồng thời, từ khi bà T nộp đơn khởi kiện cho đến nay, ông P không có ý kiến phản đối, bỏ mặc cho bà T tự giải quyết, bà T và ông P không cải thiện được tình cảm vợ chồng để kéo dài đời sống chung.

Xét thấy, giữa bà T và ông P không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bên cạnh đó, ông bà đã không chung sống với nhau trong thời gian dài. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà T và ông P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T để giải quyết cho bà T được ly hôn với ông P.

[3] Về con chung: theo hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà T thì bà T và ông P có 02 người con chung là Trần Thị Hà M, sinh ngày 13/01/2010 và Trần Minh K, sinh ngày 13/7/2017. Bà T có yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Ông P thì không có ý kiến phản đối với yêu cầu này của bà T.

Xét thấy, bà T và ông P có 02 người con chung là Trần Thị Hà M, sinh ngày 13/01/2010 và Trần Minh K, sinh ngày 13/7/2017, hiện các cháu đang sống với bà T. Tòa án tiến hành lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ 07 tuổi đến dưới 18 tuổi đối với cháu My, cháu My có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với bà T. Đối với ông P thì không có yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Vì vậy, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu My và cháu Khang cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, bà T có quyền yêu cầu ông P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, do bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà T trình bày bà và ông P không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với ông P thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị T. Bà Thạch Thị T được ly hôn với ông Trần Văn P.

2. Về con chung: bà Thạch Thị T và ông Trần Văn P có 02 người con chung là Trần Thị Hà M, sinh ngày 13/01/2010 và Trần Minh K, sinh ngày 13/7/2017.

Giao cháu Trần Thị Hà M, sinh ngày 13/01/2010 và Trần Minh K, sinh ngày 13/7/2017 cho bà Thạch Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận bà Thạch Thị T không yêu cầu ông Trần Văn P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Ông Trần Văn P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà Thạch Thị T trình bày bà và ông Trần Văn P không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với ông Trần Văn P thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Thạch Thị T phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003456 ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền